

# Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu của Việt Nam

ThS. Phan Thế Công\*

*Khoa Kinh tế, Trường Đại học Thương mại, Mai Dịch, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 17 tháng 4 năm 2011

**Tóm tắt.** Bài viết kiểm định tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế theo dữ liệu cấp tỉnh ở Việt Nam bằng cách sử dụng các mô hình Feder (1982), Balassa (1978), Granger (1969) và các mô hình sửa đổi có bổ sung giai đoạn 1996-2006. Kết quả của việc phân tích cung cấp một bằng chứng thực nghiệm cho học thuyết tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu; đồng thời chỉ ra rằng, xuất khẩu đóng một vai trò quan trọng không chỉ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước mà còn đóng góp tích cực vào phát triển các yếu tố phi xuất khẩu (như cơ sở hạ tầng, điện, nước, thức ăn chế biến sẵn...) trong nước. Sự tìm tòi và phân tích ngụ ý tiếp tục duy trì và phát triển mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu ở Việt Nam.

*Từ khóa.* Tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, khu vực kinh tế.

## 1. Mở đầu

Trong công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam 25 năm qua, xuất khẩu luôn được Đảng và Nhà nước đánh giá là lĩnh vực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước. Trong đó, chúng ta phải kể đến sự gia tăng của xuất khẩu đóng góp vào tổng sản phẩm quốc nội. Giống như Trung Quốc, một đất nước coi xuất khẩu là cỗ máy thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, Việt Nam cũng rất coi trọng việc thúc đẩy xuất khẩu tạo đà cho tăng trưởng kinh tế.

Những năm qua, Việt Nam đã có những đổi mới về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực xuất - nhập khẩu. Nhờ những thay đổi đó, xuất - nhập khẩu nói chung và xuất khẩu nói riêng đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận. Kim ngạch xuất khẩu năm 2008 đạt 62,69 tỷ USD, đến năm 2010 đạt 72,2 tỷ USD - gấp khoảng 91 lần so với năm 1986 (Bảng 1).

Thị trường xuất khẩu được mở rộng, từ chỗ chỉ trong khối xã hội chủ nghĩa (trước năm 1986), đến năm 2011, hàng hóa nước ta đã vươn tới hầu hết các nước trên thế giới. Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm của xuất khẩu đạt khoảng 30%, tỷ lệ xuất khẩu trên GDP luôn ở mức cao và ngày càng tăng. Tốc độ xuất khẩu tăng nhanh góp phần tạo ra tăng trưởng kinh tế cao từ năm 1986 đến nay, trung bình tốc độ tăng trưởng kinh tế vào khoảng 5,7%/năm; đồng thời tạo ra nhiều công ăn việc làm mới, giảm bớt thất nghiệp và xóa được đói, giảm được nghèo.

Bảng 1 và Biểu đồ 1 đều cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ gia tăng của xuất khẩu và tỷ lệ xuất khẩu trên GDP của Việt Nam hầu như có mối quan hệ cùng chiều. Xuất khẩu tăng có xu hướng kéo theo tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng. Suy thoái kinh tế năm 2008 đã làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, giảm kim ngạch xuất khẩu, tỷ lệ xuất khẩu trên GDP cũng giảm mạnh. Năm 2010, nền kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh chóng, xuất khẩu tăng trưởng cao từ 57,1 tỷ USD năm 2009 đã tăng lên 72,2 tỷ USD năm 2010.

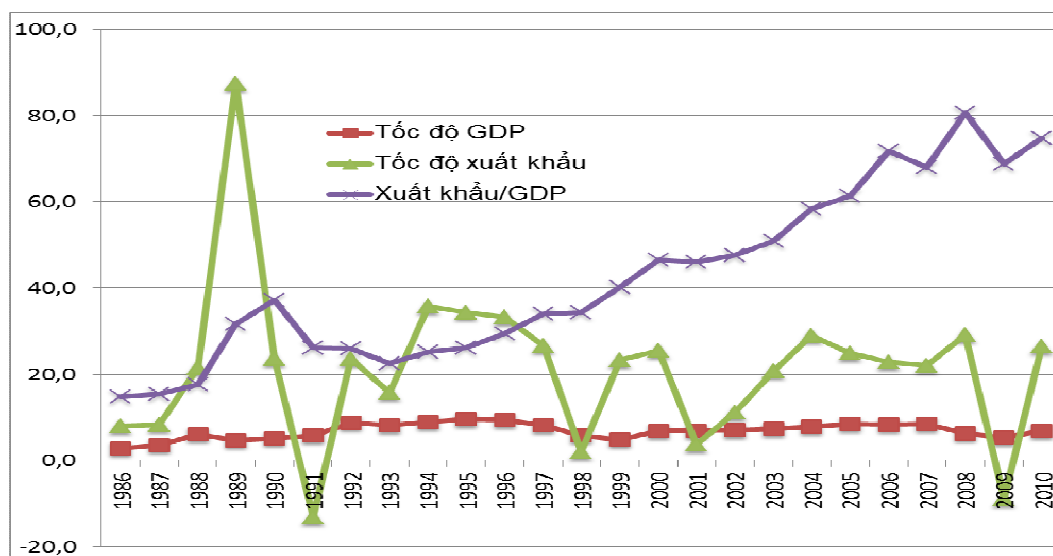
\* ĐT: 84-914778736

E-mail: congphanthe@vcu.edu.vn

Bảng 1. Xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế

Chỉ tiêu	1986	1995	2000	2005	2008	2009	2010
GDP thực tế (nghìn tỷ đồng)	0,109	195,6	273,7	393	489,8	515,9	551
GDP danh nghĩa (nghìn tỷ đồng)	0,599	228,9	441,6	839,2	1477,7	1645,5	1980,9
Xuất khẩu (tỷ USD)	0,789	5,5	14,5	32,45	62,69	57,1	72,2
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	2,8	9,5	6,8	8,4	6,2	5,3	6,8
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu (%)	8,0	34,4	25,5	24,8	29,1	-8,9	26,4
Tỷ lệ xuất khẩu/GDP (%)	14,7	26,2	46,4	61,3	80,6	68,7	74,7

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê.



Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ gia tăng xuất khẩu và tỷ lệ xuất khẩu trong GDP.

Nguồn: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả.

## 2. Các quan điểm thực nghiệm về mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế

Mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế đã được phân tích trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm gần đây. Tuy nhiên, bằng chứng cho thấy mối quan hệ này khá đa dạng. Trong khi một số nghiên cứu cho thấy sự tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, một số nghiên cứu khác lại cho rằng không tồn tại mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa hai yếu tố này.

### 2.1. Quan điểm không ủng hộ tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu

Một số quan điểm cho rằng, không phải cứ đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn, nếu các điều kiện khác không thay đổi, và/hoặc một số điều kiện tiên quyết khác không được thỏa mãn. Đã có không ít nghiên cứu chỉ ra vai trò mờ nhạt của xuất khẩu đối với tăng trưởng GDP ở một số quốc gia và nhóm quốc gia.

Trên thực tế, chưa có một nghiên cứu nào chỉ ra mối quan hệ ngược chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Chỉ có một số ít nghiên cứu chỉ ra rằng không có mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Richards (2001) đã nghiên cứu trường hợp của Paraguay, quốc gia có tốc độ tăng trưởng chậm trong những năm 1990, mặc dù đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao giai đoạn 1970-1980. Ông cho rằng tốc độ gia tăng xuất khẩu của Paraguay không được ổn định như tốc độ tăng trưởng kinh tế vì các lý do liên quan đến chính trị và kinh tế. Tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế ở Paraguay còn rất hạn chế. Mặc dù gần đây mới có sự góp mặt của xuất khẩu và sản xuất có liên quan tới xuất khẩu ở Paraguay trong các hoạt động phát triển kinh tế, vẫn không thể khẳng định rằng xuất khẩu “đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn như được hiểu trong giả định tăng trưởng kinh tế nhờ xuất khẩu” ([17], tr.142-143).

Jung và Marshall (1985) chưa thật sự tin vào việc xuất khẩu thúc đẩy phát triển kinh tế với bằng chứng đưa ra là 36 nước, hầu hết ở Nam Mỹ và một số nước ở châu Á, châu Phi và châu Âu. Họ phát hiện ra rằng chỉ có bốn nước (Indonesia, Ai Cập, Costa Rica và Ecuador) có nền kinh tế phát triển nhờ xuất khẩu tăng trưởng. Theo họ, “bằng chứng về tăng trưởng xuất khẩu dẫn đến tăng trưởng kinh tế không thuyết phục bằng những nghiên cứu thống kê trước đó”. Tuy nhiên, họ cũng khuyến nghị độc giả không nên đi quá xa với những kết quả nghiên cứu này.

Trong trường hợp của Việt Nam, có một số nghiên cứu thực chứng khác về vấn đề trên, trong đó tác giả Phan Minh Ngọc và các cộng sự (2003) đã có nghiên cứu “Export and Long-Run Growth in Vietnam, 1975-2001” (Xuất khẩu và tăng trưởng trong dài hạn ở Việt Nam: 1975-2001), đăng trên *ASEAN Economic Bulletin*. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng các mô hình kinh tế lượng tiêu biểu khác nhau với các kỹ thuật chuỗi thời gian hiện đại để đo lường trực tiếp đóng góp của xuất khẩu vào tăng trưởng GDP trong suốt thời kỳ

trên (và sau này mở rộng thêm đến các năm gần đây), sau khi đã tách bạch ảnh hưởng của các nhân tố khác, như đầu tư và lao động. Kết luận chính của nghiên cứu này là xuất khẩu không phải là động lực cho tăng trưởng GDP ở Việt Nam trong suốt các năm kể từ khi thống nhất đất nước, kể cả thời sau Đổi mới - thời kỳ chứng kiến sự bùng nổ của xuất khẩu nhờ chính sách cải cách và hội nhập kinh tế quốc tế. Nói cách khác, chưa có bằng chứng rõ ràng trong phân tích định lượng về việc tăng cường xuất khẩu đã kích thích sự phát triển của các khu vực khác trong nền kinh tế Việt Nam. Hiểu một cách đơn giản hơn, tăng trưởng khu vực sản xuất hướng xuất khẩu rất có thể chỉ làm giảm tăng trưởng của khu vực sản xuất phi xuất khẩu (hướng thị trường nội địa), bởi các nguồn lực khan hiếm đã bị hút mạnh về khu vực xuất khẩu, dẫn đến tăng trưởng GDP của toàn nền kinh tế không thay đổi.

## 2.2. Quan điểm ủng hộ mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu

Trước tiên, cần nói rằng có cả một kho tư liệu khổng lồ các nghiên cứu học thuật về vai trò của thương mại (xuất khẩu) trong tăng trưởng kinh tế, ít nhất bắt đầu bằng những lý luận từ cách đây hàng trăm năm của các nhà kinh tế học tiền bối như Adam Smith và David Ricardo, và được nối tiếp gần đây nhất bởi một loạt công trình lý thuyết của các nhà kinh tế học nổi danh khác như Romer, Grossman, Helpman, Baldwin, Feder và Forslid, v.v... - những công trình lý thuyết mở đường cho việc hiểu và phân tích mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng một cách có hệ thống và có cơ sở khoa học. Dựa trên những công trình lý thuyết này, một loạt nghiên cứu thực chứng đã được tiến hành, sử dụng các mẫu số liệu cấp quốc gia, khu vực và quốc tế để làm sáng tỏ mối quan hệ trên. Những nghiên cứu thực chứng này có xu hướng khẳng định rằng xuất khẩu có mối liên hệ tích cực với tăng trưởng kinh tế. Mô hình phát triển hướng ngoại thành công của các nước Đông Á trong những thập kỷ qua là minh chứng hùng hồn cho vai trò của

xuất khẩu như là một động lực của tăng trưởng kinh tế ở khu vực này.

Gylfason (1999) khẳng định xuất khẩu có thể được coi là động lực chính thúc đẩy kinh tế phát triển kể cả trực tiếp và gián tiếp vì một mặt chúng là một phần của sản xuất, mặt khác chúng thúc đẩy nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và vốn, do đó cũng du nhập những ý tưởng và tri thức mới. Cùng chung quan điểm này, Sharma và Panagiotidis (2005) tin rằng xuất khẩu là một trong những yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế. Khẳng định này càng được thể hiện rõ khi không tính đến những yếu tố tích cực bên ngoài như các yếu tố phi xuất khẩu, việc áp dụng các hình thức quản lý hiệu quả hơn, việc cải tiến kỹ thuật sản xuất, tăng tính kinh tế theo quy mô và khả năng tạo lợi thế so sánh rõ rệt. Các tác giả cũng nhất trí rằng “việc mở rộng xuất khẩu, dù không tính đến các yếu tố khác” sẽ có tác động tích cực lên toàn bộ nền kinh tế ([16], tr.234). Feder (được trích dẫn trong Ibrahim, 2002) có quan điểm tương đồng với hai quan điểm nêu trên. Ông công nhận rằng xuất khẩu giúp kinh tế tăng trưởng theo nhiều cách: “năng lực được sử dụng lớn hơn, tính kinh tế theo quy mô lớn hơn, động cơ phát triển công nghệ lớn hơn và áp lực cạnh tranh quốc tế lớn hơn, từ đó dẫn tới quản lý hiệu quả hơn” ([8], tr.21). Những yếu tố này cũng đem lại lợi ích cho khu vực không xuất khẩu.

Đối với các nước thuộc OPEC, xuất khẩu dầu mỏ là động cơ chính thúc đẩy phát triển kinh tế. Al-Yousif (1997) đã xem xét mối quan hệ giữa xuất khẩu và dầu mỏ ở bốn nước thuộc khu vực Vịnh Arab, đó là Arab Saudi, Kuwait, các Tiểu Vương quốc Arab Thống nhất (UAE) và Oman trong khoảng thời gian 1973-1993. Bốn quốc gia này xuất khẩu phần lớn các sản phẩm dầu mỏ và sử dụng giá trị thu được vào mua các mặt hàng tiêu dùng, thuê nhân công, v.v... Tỷ lệ xuất khẩu/GDP của bốn quốc gia khá cao và có giá trị lần lượt là 42%, 53%, 70% và 47%. Kết quả thực nghiệm cho thấy “xuất khẩu có một vai trò tích cực và quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của bốn nước thuộc khu vực Vịnh Arab.”

Nhiều nước khác thuộc khu vực châu Á cũng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà kinh tế học, trong đó có vấn đề phát triển kinh tế liên quan tới xuất khẩu. Trước tiên phải kể tới nghiên cứu của Rahman và Mustafa (1997) về 13 nước thuộc khu vực châu Á (Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, Nepal, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore, Philippines và Malaysia). Ekanayake (1999) cũng nghiên cứu 8 quốc gia đang phát triển ở châu Á, gồm Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia, Pakistan, Philippines, Sri Lanka và Thái Lan. Hai nghiên cứu này không những chỉ ra mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế mà còn thấy rằng xuất khẩu phát triển thì kinh tế mới tăng trưởng. Những kết luận này có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách. Rahman và Mustafa đề xuất là các quốc gia nên có những chu kỳ ngắn hạn và dài hạn trong đó nhấn mạnh tới chính sách phát triển kinh tế nhanh hơn và xuất khẩu nhiều hơn. Nhìn chung, điều đó có nghĩa là tùy vào mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, mỗi nước sẽ cần đưa ra những chính sách phù hợp.

Ibrahim (2002) đã nghiên cứu 6 quốc gia và vùng lãnh thổ: Hồng Kông, Hàn Quốc, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và “tính toán cho thấy những khác biệt ở 6 nền kinh tế này khi sản lượng xuất khẩu tăng lên”. Hơn nữa, nghiên cứu cũng đưa ra đề xuất về mối quan hệ giữa tăng giá trị xuất khẩu và quy mô định hướng thương mại của một quốc gia, cũng như mức độ sản xuất. Một điều quan trọng là, hướng phát triển ra phạm vi ngoài quốc gia ở mức độ lớn hoặc trung bình, cơ cấu xuất khẩu đa dạng và sản phẩm xuất khẩu có chất lượng cao rõ ràng đồng nghĩa với việc tạo ra những tác động tích cực từ bên ngoài đối với khu vực không xuất khẩu. Những kết quả này cũng được khẳng định trong Sharma và Panagiotidis (2005) đối với trường hợp Ấn Độ. Hầu hết các nước châu Á nêu trên đều là các nước đang phát triển hoặc kém phát triển, đó cũng là trọng tâm nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tới các nước kém phát triển.

Tóm lại, có thể khẳng định hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng tăng xuất khẩu là một trong những yếu tố chính dẫn đến tăng trưởng kinh tế (tức là giả thiết tăng trưởng dựa vào xuất khẩu). Lý thuyết này dựa vào tiền đề cho rằng tăng xuất khẩu có thể ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế thông qua một số kênh. Thứ nhất, ngành xuất khẩu có thể ảnh hưởng tới các ngành phi xuất khẩu thông qua tác động bên ngoài tích cực. Hơn nữa, mở rộng xuất khẩu sẽ tăng tính hiệu quả của nền kinh tế dựa vào quy mô. Ngoài ra, xuất khẩu có thể làm giảm khó khăn về ngoại tệ và do đó có thể giúp các nước tiếp cận với thị trường toàn cầu dễ dàng hơn. Cuối cùng, những lập luận này gần đây đã được hỗ trợ nhờ cơ sở lý luận về thuyết tăng trưởng “nội sinh”, trong đó nhấn mạnh rằng xuất khẩu có thể thúc đẩy tăng trưởng dài hạn vì sẽ thúc đẩy phát triển công nghệ và học hỏi kinh nghiệm từ các nước khác.

### 3. Phân tích thực nghiệm về tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng

#### 3.1. Mô hình Feder (1982) và Balassa (1978)

Feder (1982) và Balassa (1978) đã nghiên cứu được ngoại ứng dương tác động của xuất khẩu vào yếu tố phi xuất khẩu và sự phân biệt năng suất của các đầu vào thúc đẩy xuất khẩu, đồng thời chỉ rõ xuất khẩu là động lực của tăng trưởng kinh tế. Cả Feder và Balassa đã sử dụng hai hàm sản xuất cho yếu tố xuất khẩu và yếu tố phi xuất khẩu tương đồng nhau:

$$N = F(K_N, L_N, X) \quad (1)$$

$$X = G(K_X, L_X) \quad (2)$$

Trong đó: N là yếu tố phi xuất khẩu và X là yếu tố xuất khẩu;  $K_N, K_X$  tương ứng là lượng vốn trong yếu tố phi xuất khẩu và xuất khẩu của nền kinh tế;  $L_N, L_X$  tương ứng là lượng lao động trong yếu tố phi xuất khẩu và xuất khẩu của nền kinh tế.

Giả định về sự khác biệt về năng suất:

$$\frac{G_K}{F_K} = \frac{G_L}{F_L} = 1 + \delta \quad (3)$$

Trong đó:  $F_L$  và  $G_L$  là năng suất cận biên của lao động trong yếu tố phi xuất khẩu và yếu tố xuất khẩu;  $F_K$  và  $G_K$  tương ứng là năng suất cận biên của vốn trong yếu tố phi xuất khẩu và yếu tố xuất khẩu; hệ số  $\delta$  là sự khác biệt về năng suất theo xuất khẩu. Nếu  $\delta = 0$ , năng suất cận biên là cân bằng giữa hai yếu tố. Nếu  $\delta > 0$ , năng suất cận biên của lao động có thể càng cao trong yếu tố xuất khẩu.

Tốc độ tăng trưởng của yếu tố xuất khẩu và yếu tố phi xuất khẩu được xác định như sau:

$$\dot{N} = F_K \cdot I_N + F_L \cdot \dot{L}_N + F_X \cdot \dot{X} \quad (4)$$

$$\dot{X} = G_K \cdot I_X + G_L \cdot \dot{L}_X \quad (5)$$

Trong đó:  $I_N$  và  $I_X$  tương ứng là tổng đầu tư trong các yếu tố;  $L_N$  và  $L_X$  là sự thay đổi yếu tố trong lực lượng lao động;  $F_X$  là ảnh hưởng ngoại ứng của xuất khẩu vào yếu tố phi xuất khẩu. Các dấu chấm trên các biến biểu thị tốc độ tăng trưởng của các yếu tố tương ứng.

GDP sẽ bao gồm tổng của yếu tố xuất khẩu và phi xuất khẩu:  $Y = N + X$ .

Sự thay đổi sản lượng theo thời gian được xác định:

$$\dot{Y} = \dot{N} + \dot{X} \quad (6)$$

Thay phương trình (4) và (5) vào phương trình (6), ta được:

$$\dot{Y} = F_K(I_N + I_X) + F_L(\dot{L}_N + \dot{L}_X) + F_X \dot{X} + \delta(F_K I_X + F_L \dot{L}_X) \quad (7)$$

Từ (3) và (5) suy ra:

$$F_K \cdot I_X + F_L \cdot \dot{L}_X = \frac{\dot{X}}{1 + \delta} \quad (8)$$

Thay thế (8) vào (7), ta được:

$$\dot{Y} = F_K \cdot I + F_L \cdot \dot{L} + \left( \frac{\delta}{1 + \delta} + F_X \right) \cdot \dot{X} \quad (9)$$

Sử dụng kết quả năng suất cận biên của lao động trong yếu tố xuất khẩu là:  $F_L = \beta \cdot \frac{Y}{L}$  và năng suất cận biên của vốn trong yếu tố phi xuất khẩu là  $F_K = \alpha$ , khi đó tốc độ tăng trưởng GDP được xác định như sau:

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \left( \frac{\delta}{1+\delta} + F_X \right) \cdot \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{X}{Y} \quad (10)$$

Phương trình (10) được sử dụng để ước lượng sự khác biệt về năng suất  $\left( \frac{\delta}{1+\delta} + F_X \right)$  giữa yếu tố xuất khẩu và yếu tố phi xuất khẩu.

Phương trình biểu thị mối quan hệ giữa yếu tố phi xuất khẩu với yếu tố xuất khẩu được xác định:  $N = F(K_N, L_N, X) = X^\theta \cdot \psi(K_N, L_N)$  ở đó  $\theta$  là tham số, khi đó:

$$\frac{\partial N}{\partial X} \equiv F_x = \frac{\theta}{X/Y} - \theta \quad (11)$$

Chúng ta giả sử rằng, yếu tố xuất khẩu ảnh hưởng đến yếu tố phi xuất khẩu tại một tham số mũ cố định  $\theta$ . Thay thế (11) vào (10) và sắp xếp lại ta được:

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \left( \frac{\delta}{1+\delta} - \theta \right) \cdot \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{X}{Y} + \theta \frac{\dot{X}}{X} \quad (12)$$

Phương trình (12) biến đổi thành phương trình Balassa (1978).

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \frac{\dot{X}}{X} + a_2 AREA 2 + a_3 AREA 3 \quad (15)$$

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \frac{\dot{X}}{X} + a_1 AREA 1 + a_3 AREA 3 \quad (16)$$

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \frac{\dot{X}}{X} + a_1 AREA 1 + a_2 AREA 2 \quad (17)$$

$$\frac{\dot{X}}{X} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \frac{\dot{Y}}{Y} + b_1 AREA 2 + b_2 AREA 3 \quad (18)$$

$$\frac{\dot{X}}{X} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \frac{\dot{Y}}{Y} + c_1 AREA 1 + c_2 AREA 3 \quad (19)$$

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \cdot \frac{\dot{X}}{X} \quad (13)$$

$$\frac{\dot{Y}}{Y} = \alpha \cdot \frac{DI}{Y} + \alpha_2 \cdot \frac{FI}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \frac{\delta}{1+\delta} \cdot \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{X}{Y} + \theta \left( \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{X}{Y} \right) \quad (14)$$

Theo phương trình (12), (13) và (14), tỷ lệ tăng trưởng GDP sẽ phụ thuộc vào sự phân bổ tích lũy các yếu tố lao động, vốn và xuất khẩu. Ngoài ra, sẽ có sự dịch chuyển các yếu tố từ yếu tố phi xuất khẩu có năng suất thấp sang yếu tố xuất khẩu có năng suất cao. Các nhà kinh tế học như Feder (1982), Balassa (1978), Ibrahim (2002), Sun và Parikh (1999) đã nghiên cứu bằng thực nghiệm, sử dụng các mô hình tương tự kết luận rằng: Sự mở rộng xuất khẩu có tác động ý nghĩa và cùng chiều với tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, sự tăng lên của xuất khẩu sẽ thúc đẩy các nhân tố phi xuất khẩu phát triển.

Với việc phân chia các khu vực Bắc, Trung và Nam thành các biến giả AREA1, AREA2 và AREA3 được đưa vào mô hình để chạy hồi quy. Khi đó, các phương trình hồi được thiết lập như dưới đây.

Các phương trình hồi quy đó cho biết sự đóng góp của xuất khẩu vào tăng trưởng kinh tế theo từng khu vực và ngược lại, tốc độ tăng trưởng sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự gia tăng của xuất khẩu theo từng vùng kinh tế.

$$\frac{\dot{X}}{X} = \alpha \cdot \frac{I}{Y} + \beta \cdot \frac{\dot{L}}{L} + \theta \cdot \frac{\dot{Y}}{Y} + d_1 AREA1 + d_2 AREA2 \quad (20)$$

### 3.2. Kiểm định mô hình theo dữ liệu cấp tỉnh của Việt Nam

Hai cách tiếp cận được đưa vào để ước lượng các tham số là ảnh hưởng cố định (fixed effects) và ảnh hưởng ngẫu nhiên (random effects). Sau đó, sử dụng dữ liệu bảng (panel data), kiểm định Hausman để kiểm tra tính hiệu quả của các mô hình đã được chạy hồi quy nhằm lựa chọn và so sánh kết quả hồi quy. Số liệu được sử dụng để phân tích hồi quy bao gồm số liệu về xuất khẩu, đầu tư trong và ngoài nước, tốc độ tăng trưởng GDP, lao động của 55 tỉnh và thành phố trong cả nước giai đoạn 1996-2004. Nguồn số liệu được thu thập từ *Niên giám thống kê* của 55 tỉnh và thành phố trong cả nước, Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Việc kiểm định với giả định các biến được sử dụng trong quá trình phân tích như sau:

$$GDP\_RATE = \frac{\dot{Y}}{Y} = \frac{Y_1 - Y_0}{Y_0} = \text{tỷ lệ tăng}$$

trưởng GDP thực tế.  $EXP\_RATE = \frac{\dot{X}}{X} = \frac{X_1 - X_0}{X_0} = \text{tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu.}$

$$LAB\_RATE = \frac{\dot{L}}{L} = \frac{L_1 - L_0}{L_0} = \text{tỷ lệ gia tăng}$$

lao động.  $INVEST\_GDP = \frac{I}{Y} = \text{tỷ lệ của tổng}$

vốn đầu tư trên GDP.  $FDIC\_GDP = \text{tỷ lệ đầu tư trực tiếp nước ngoài trên GDP. } DOMC\_GDP = \text{tỷ lệ đầu tư trong nước trên GDP. } EXP\_MARG$

$= \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{X}{Y}$ , đây là biến được sử dụng để xác định

sự khác biệt về năng suất giữa hai yếu tố xuất khẩu và phi xuất khẩu.  $EXP\_GDPMARG$

$$= \frac{\dot{X}}{X} - \frac{\dot{X}}{X} \cdot \frac{X}{Y}$$

, đây là biến được sử dụng để xem xét ảnh hưởng của năng suất yếu tố xuất khẩu và năng suất yếu tố phi xuất khẩu.

Kết quả hồi quy theo ảnh hưởng cố định và ảnh hưởng ngẫu nhiên ở phương trình (12) và (13) cho thấy các tham số của các biến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu (EXP\_RATE) có giá trị dương, điều này chỉ rõ xuất khẩu tác động cùng chiều với tăng trưởng kinh tế. Phương trình (10) cho kết quả sự khác biệt về năng suất  $(\frac{\delta}{1+\delta} + F_x)$  giữa yếu tố xuất khẩu và yếu tố phi xuất khẩu.

Phương trình (12) ở Bảng 3 cũng chỉ ra mối quan hệ cùng chiều giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, đồng thời chỉ ra sự đóng góp của xuất khẩu vào yếu tố phi xuất khẩu và những lợi ích đạt được từ năng suất của các yếu tố trong việc gia tăng giá trị xuất khẩu. Điều này ngụ ý cho việc thiết lập các chính sách khuyến khích xuất khẩu. Theo phương trình (12) tham số của EXP\_MARG là 0,0482 và phương trình (14) tham số EXP\_MARG là 0,0441 đều là giá trị dương, cho thấy giá trị  $\frac{\delta}{1+\delta} > 0$ , hay có sự khác biệt về năng suất giữa hai yếu tố xuất khẩu và yếu tố phi xuất khẩu.

Các tham số của các biến EXP\_MARG và EXP\_GDPMARG có giá trị dương trong phương trình (14) ở Bảng 3 cho thấy có sự khác biệt về năng suất giữa hai yếu tố xuất khẩu và phi xuất khẩu, đồng thời chỉ ra sự đóng góp của yếu tố xuất khẩu vào yếu tố phi xuất khẩu.

Bằng việc sử dụng các hàm hồi quy từ (15) đến (20), các kiểm định mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế theo các khu vực Bắc, Trung và Nam được thực hiện. Thông qua các kết quả hồi quy, các hàm hồi quy sẽ thấy được mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế theo từng khu vực. Đồng thời, kết quả hồi quy cũng sẽ cho biết khu vực nào có tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ gia tăng xuất khẩu nhanh hơn. Điều đó giúp đưa ra các

ngụ ý về chính sách cho các nhà hoạch định chính sách của chính phủ.

Kết quả hồi quy ở Bảng 4 (với biến phụ thuộc là tốc độ tăng trưởng kinh tế) cho thấy các tham số hồi quy ở phương trình (15), (16) và (17) đều

có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% hoặc 10%. Các kết quả hồi quy chỉ rõ ở các khu vực Bắc, Trung và Nam, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế đều có mối quan hệ cùng chiều (do tham số ước lượng của xuất khẩu là số dương).

Bảng 2. Kết quả hồi quy sử dụng dữ liệu bảng (440 quan sát)

Biến phụ thuộc: GDP\_RATE

Biến độc lập	Nội dung	(13)		(10)	
		Fixed effects	Random effects	Fixed effects	Random effects
Constant	Coefficients	0,0959	0,0805	0,0971	0,0828
	T-statistic	(9,3471)*	(11,0457)*	(9,4339)*	(11,9064)*
EXP_RATE	Coefficients	0,0145	0,0148		
	T-statistic	(3,6543)*	(3,8481)*		
LAB_RATE	Coefficients	0,290860	0,27623	0,0003	0,0004
	T-statistic	(1,935219)**	(1,9475)**	(1,9578)**	(1,9221)**
INVEST_GDP	Coefficients	0,032209	0,031183	0,029930	0,025612
	T-statistic	(2,183333)*	(2,594814)*	(3,948673)*	(2,086067)*
EXP_MARG	T-statistic			0,0452	0,0587
	T-statistic			(3,1452)*	(4,5372)*
R <sup>2</sup>		0,4255	0,4945	0,4395	0,4546

Ghi chú: \* với mức ý nghĩa là 5%, \*\* với mức ý nghĩa 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 3. Kết quả hồi quy sử dụng dữ liệu bảng (440 quan sát)

Biến phụ thuộc: GDP\_RATE

Biến độc lập	Nội dung	(12)		(14)	
		Fixed effects	Random effects	Fixed effects	Random effects
Constant	Coefficients	0,069637	0,070925	0,060042	0,06590
	T-statistic	(10,51117)*	(11,46472)*	(10,811)*	(13,945)*
EXP_RATE	Coefficients	0,047234	0,049731		
	T-statistic	(3,5208)*	(4,1791)*		
LAB_RATE	Coefficients	0,062738	0,040656	0,0599	0,03578
	T-statistic	(2,4015)*	(2,1981)*	(4,2890)*	(2,1968)*
INVEST_GDP	Coefficients	0,033044	0,031183		
	T-statistic	(2,6948)*	(2,5948)*		
DOMC_GDP	Coefficients			0,145659	0,12003
	T-statistic			(10,811)*	(6,2452)*
FDIC_GDP	Coefficients			0,061699	0,064973
	T-statistic			(2,6191)*	(2,9611)*
EXP_MARG	Coefficients	0,040217	0,043627	0,010073	0,009341
	T-statistic	(2,5207)*	(3,1432)*	(1,6359)**	(1,9157)**
EXP_GDPMARG	Coefficients			0,033533	0,03453
	T-statistic			(2,0111)*	(2,3359)*
F-statistic		6,915333	10,36312	8,676565	11,18741

Ghi chú: \* với mức ý nghĩa là 5%, \*\* với mức ý nghĩa 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả



Bảng 4. Kết quả hồi quy (440 quan sát)  
Biến phụ thuộc: GDP\_RATE

<i>Biến độc lập</i>		(15)	(16)	(17)
Constant	Coefficients	0,0712	0,0676	0,0849
	T-statistic	(10,9277)*	(10,0347)*	(9,3736)*
EXPORT_RATE	Coefficients	0,016	0,016	0,016
	T-statistic	(3,7054)*	(3,7054)*	(3,7054)*
LAB	Coefficients	-0,0003	-0,0003	-0,0003
	T-statistic	(-3,3286)*	(-3,3286)*	(-3,3286)*
INVEST_TOTAL	Coefficients	0,0364	0,0364	0,0364
	T-statistic	(2,7927)*	(2,7927)*	(2,7927)*
AREA1	Coefficients		0,0036	-0,0137
	T-statistic		(0,5211)	(-1,893)**
AREA2	Coefficients	-0,0036		-0,0173
	T-statistic	(-0,5211)		(-3,1339)*
AREA3	Coefficients	0,0137	0,0173	
	T-statistic	(1,8933)**	(3,1339)*	
R <sup>2</sup>		0,8566	0,8566	0,7566
F-statistic		5,2111	5,2111	5,2111

Ghi chú: \* với mức ý nghĩa là 5%, \*\* với mức ý nghĩa là 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 4 và Bảng 5 (từ các tham số ước lượng) đã chứng minh được rằng khu vực Nam có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chậm hơn khu vực Bắc và Trung, tuy có sự gia tăng nhiều hơn về số lượng và kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng. Điều này được giải thích bởi cả hai khu vực này đã và đang có tốc độ tăng nhanh về xuất khẩu trong những năm gần đây. Khu vực

Nam tuy có số lượng mặt hàng xuất khẩu hàng năm ở mức cao so với các khu vực khác, nhưng tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu hàng năm lại tăng chậm hơn. Phương trình (18), (19) và (20) cũng chỉ rõ sự đóng góp của lao động trong việc gia tăng xuất khẩu, giải thích điều này là do Việt Nam có lực lượng lao động lớn, có khả năng đáp ứng cho nhu cầu phát triển xuất khẩu.

Bảng 5. Kết quả hồi quy (440 quan sát)  
Biến phụ thuộc: EXPORT\_RATE

<i>Biến độc lập</i>		(18)	(19)	(20)
Constant	Coefficients	0,0835	0,0284	-0,1414
	T-statistic	0,7116	0,4055	(-1,2885)
GDP_RATE	Coefficients	2,39339	2,3939	2,3939
	T-statistic	(2,6447)*	(2,6447)*	(2,6447)*
LAB	Coefficients	0,0479	0,0479	0,0479
	T-statistic	(3,9441)*	(3,9441)*	(3,9441)*
INVEST_TOTAL	Coefficients	-0,1278	-0,1278	-0,1278
	T-statistic	-0,9737	(-0,9737)	(-0,9737)
AREA1	Coefficients		0,0551	0,2249
	T-statistic		(0,6793)	(4,7769)*
AREA2	Coefficients	-0,0551		0,1697
	T-statistic	-0,6794		(2,5811)*
AREA3	Coefficients	-0,2249	-0,1698	

	T-statistic	(-4,7769)*	(-2,5811)*	
R <sup>2</sup>		0,7963	0,8963	0,8963
F-statistic		9,2502	9,2502	9,2502

Ghi chú: \* với mức ý nghĩa là 5%, \*\* với mức ý nghĩa là 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả

#### 4. Kết luận

Kết quả phân tích ở trên cho thấy bằng chứng thực nghiệm về tác động xuất khẩu vào tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Mô hình Feder và Balassa được sử dụng để kiểm tra học thuyết tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu. Nghiên cứu đã tìm thấy một sự mở rộng xuất khẩu sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn chỉ rõ có ảnh hưởng ngoại ứng dương từ yếu tố xuất khẩu vào các yếu tố phi xuất khẩu. Điều này có nghĩa rằng sự tăng trưởng xuất khẩu tác động tích cực đến sự tăng trưởng và phát triển của các yếu tố phi xuất khẩu.

Thêm vào đó, nghiên cứu đã kiểm tra ba khu vực Bắc, Trung và Nam để tìm ra khu vực nào đã đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhiều nhất. Khu vực Nam có sự đóng góp rất lớn vào tốc độ tăng trưởng kinh tế hơn các khu vực còn lại. Khu vực này với nhịp độ tăng trưởng cao, Chính phủ nên tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, có chính sách kinh tế hợp lý cho các tỉnh thuộc khu vực này để thúc đẩy nhanh tiến trình phát triển các mặt hàng phục vụ cho xuất khẩu. Ngoài ra, hai khu vực còn lại tiềm năng xuất khẩu rất lớn, nếu được tạo điều kiện thuận lợi thì các tỉnh thuộc hai khu vực này sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng cao, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế so sánh và có nhiều chính sách mở cửa thu hút đầu tư hợp lý.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê* từ năm 2002-2009.
- [2] Abou-Stait, R. (2005), "Are exports the engine of economic growth? An application of cointegration and causality analysis for Egypt, 1977-2003", *Economic Research Working Paper Series*, Tunis: African Development Bank.
- [3] Adelman, I. (1984), "Beyond Export-led Growth", *World Development*, 12(9), 937-949.
- [4] Al-Yousif, Y. K. (1997), "Exports and Economic Growth; Some Empirical Evidence from the Arab Gulf countries", *Applied Economics*, 693-697.
- [5] Balassa, B. (1978), "Exports and Economic Growth: Further Evidence", *Journal of Development Economics*, vol. 5, pp. 181-189.
- [6] Chandra, R. (2002), "Export growth and economic growth: An investigation of causality in India", *Indian Economic Journal*, Vol. 49, No. 3, pp. 64-73.
- [7] Ekanayake, EM. (1999), "Exports and Economic Growth in Asian Developing Countries: Cointegration and Error-correction Models", *Journal of Economic Development*, Vol. 24, No. 2, pp. 43-56.
- [8] Feder, G. (1982), "On Exports and Economic Growth", *Journal of Development Economics*, Vol. 12, pp. 59-73.
- [9] Giles, J. A., Williams, C. L. (2000), "Export-Led Growth: A survey of the Empirical Literature and some Non-Causality Results, Part 1", *Journal of International Trade & Economic Development*, Vol. 9, Issue 3, 261-337.
- [10] Gylfason, D. (1999), "Exports, Inflation and Growth", *World Development*, Vol. 27, No. 6, pp. 1031-1057.
- [11] Heller, P.S. and Porter, R.C. (1978), "Exports and growth: an empirical reinvestigation", *Journal of Development Economics*, Vol. 5, pp. 191-3.
- [12] Ibrahim, I. (2002), "On Exports and Economic Growth", *Journal Pengurusan*, Vol. 21, pp. 3-18.
- [13] Jin, J. C. (2002), "Exports and Growth: Is the Export-led Growth Hypothesis Valid for Provincial Economies?", *Applied Economics*, Vol. 34, pp. 63-76.
- [14] Jung, W. S. & Marshall, P. J. (1985), "Exports, Growth and Causality in Developing Countries", *Journal of Development Economics*, Vol. 18, pp. 1-12.
- [15] Ngoc, P. M, Anh, N. T. P. & Nga, P. T. (2003), "Exports and Long-run Growth in Vietnam, 1976-2001", *ASEAN Economic Bulletin*.
- [16] Sharma, A. & Panagiotidis, T. (2005), "An Analysis of Exports and Growth in India: Co-integration and

- Causality Evidence (1971-2001)", *Review of Development Economics*, Vol. 9, No. 2, pp. 232-248.
- [17] Richards, DG. (2001). "Exports as a Determinant of Long-run Growth in Paraguay, 1966-96", *The Journal of Development Studies*, vol. 38, no 1, pp 28-146.
- [18] Trần Thọ Đạt. (2007), "Những nhân tố tác động tới tăng trưởng kinh tế các tỉnh, thành phố Việt Nam giai đoạn 2000-2006", Đề tài khoa học cấp Bộ.

## Vietnamese export-based economic growth model

MA. Phan The Cong

*Faculty of Economics, Vietnam University Of Commerce, Mai Dich, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The paper used the Feder, (1982), Balassa (1978), Granger (1969) models and adapted other models developed in the 1996-2006 period to analyze the impacts of export on Vietnamese economic growth at the provincial level. The analysis provided experimental evidences for the export-based economic growth theory, pointed out that export is highly important for Vietnamese economic growth and it has made effective contributions to the development of non-export factors such as infrastructure, electricity, water, instant food,...etc. The analysis implies that Vietnam should further maintain and develop the model of export-based economic growth.